

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2024/NĐ-CP
ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký
tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ về đăng ký
tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6 Điều 4

“7. Người đại diện tổ hợp tác, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp hồ sơ đăng ký và nhận kết quả tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã bất kỳ trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính. Việc giải quyết hồ sơ đăng ký do cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính thực hiện.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã khai thác, sử dụng thông tin đã có trong các cơ sở dữ liệu để thay thế bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; bản sao văn bản của cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; bản sao phán quyết của Trọng

tài có hiệu lực trong thành phần hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Trường hợp không khai thác được thông tin hoặc thông tin khai thác được không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu cá nhân, tổ chức bổ sung thành phần hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời đề nghị cá nhân, tổ chức thực hiện cập nhật, điều chỉnh thông tin trong các cơ sở dữ liệu theo quy định của pháp luật.”.

Điều 2. Sửa đổi Điều 5

“Điều 5. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã thành lập phòng chuyên môn thì Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có chức năng, nhiệm vụ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

2. Trường hợp đơn vị hành chính cấp xã không thành lập phòng chuyên môn thì cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí công chức chuyên môn để tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này say đây được gọi là cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có tài khoản và con dấu riêng.”.

Điều 3. Bổ sung khoản 10 sau khoản 9 Điều 7

“10. Lưu giữ thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên tổ hợp tác ít nhất 05 năm kể từ ngày hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể, tổ hợp tác chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.”.

Điều 4. Sửa đổi Điều 8

“Điều 8. Trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Bộ Tài chính

a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Phối hợp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã; hướng dẫn cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện việc số hóa hồ sơ, chuẩn hóa, chuyển đổi dữ liệu, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tại địa phương vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã;

c) Kiểm tra, giám sát cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện nghiệp vụ đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Cung cấp thông tin về nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý và các thông tin khác của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã cho các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan có liên quan khác theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức xây dựng, quản lý, phát triển Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã thuộc Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp; hỗ trợ cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và cá nhân, tổ chức khác trong việc sử dụng Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

e) Liên thông thủ tục đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, trao đổi, chia sẻ, kết nối thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã với cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

h) Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền của địa phương; tổng hợp tình hình quản lý tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập trong phạm vi địa phương;

b) Chỉ đạo cơ quan quản lý nhà nước theo phạm vi ngành, lĩnh vực trên địa bàn thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành các điều kiện đầu tư kinh doanh, điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Phân bổ đủ nhân lực, kinh phí và nguồn lực khác cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã theo số lượng tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và điều kiện vị trí địa lý trên địa bàn để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đăng ký kinh doanh; công tác quản lý nhà nước đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau đăng ký thành lập; công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

e) Xây dựng, triển khai kế hoạch phổ biến, tuyên truyền, nâng cao nhận thức pháp luật về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho người dân, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; định kỳ tổ chức đối thoại giữa cơ quan quản lý nhà nước với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

g) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin về tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Thực hiện quản lý nhà nước về đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo thẩm quyền, thực hiện các giải pháp về phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

b) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm kết nối, liên thông và chia sẻ thông tin với Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

c) Chỉ đạo Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quy định tại Điều 7 Nghị định này;

d) Có trách nhiệm bố trí đủ nhân lực, kinh phí và các điều kiện cần thiết khác cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để bảo đảm thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định này.”.

Điều 5. Sửa đổi khoản 1 Điều 10

“1. Trường hợp đã có sổ định danh cá nhân, người thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kê khai các thông tin về họ, chữ đệm và tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, giới tính của mình và của cá nhân có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Các thông tin kê khai phải chính xác so với các thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp thông tin cá nhân được kê khai có sai khác so với thông tin được lưu trữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cá nhân đó có trách nhiệm liên hệ với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để hiệu chỉnh thông tin trước khi thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.”.

Điều 6. Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 Điều 12

“5. Người ủy quyền và người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của việc ủy quyền. Người ủy quyền và người được ủy quyền phải xác thực điện tử theo quy định pháp luật về xác thực và định danh điện tử để được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ để yêu cầu người ủy quyền thực hiện xác thực điện tử theo quy định.

Trường hợp việc xác thực điện tử bị gián đoạn thì người ủy quyền thực hiện việc xác thực điện tử sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trường hợp người ủy quyền không xác nhận hoặc xác nhận không ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sau khi được cấp đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

Trường hợp chưa có tài khoản định danh điện tử để thực hiện xác thực điện tử thì hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kèm theo bản sao thẻ Căn cước hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của người ủy quyền.

Căn cứ điều kiện kết nối, chia sẻ thông tin giữa Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và Hệ thống định danh và xác thực điện tử, thời điểm triển

khai thực hiện việc xác thực điện tử được thực hiện theo thông báo trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.”.

Điều 7. Sửa đổi Điều 24

“Điều 24. Xử lý các trường hợp thực hiện không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục hoặc nội dung kê khai trong hồ sơ không trung thực, không chính xác

1. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời thực hiện lại việc đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo đúng quy định. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện và thực hiện lại thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng quy định.

2. Việc xử lý nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không trung thực, không chính xác được thực hiện như sau:

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ra thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận

đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không nộp hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này;

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là không trung thực, không chính xác, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có nội dung kê khai không trung thực, không chính xác là không có hiệu lực và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kế trước hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh không có hiệu lực trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liên kế sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.”.

Điều 8. Sửa đổi Điều 27

“Điều 27. Tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Các tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:

1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3. “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6 và 7 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục giải thể, bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo đang làm thủ tục giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có nghị quyết chia, hợp đồng hợp nhất, hợp đồng sáp nhập và đang làm thủ tục chia, hợp nhất, sáp nhập tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

6. “Đang làm thủ tục phá sản” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản.

7. “Đã giải thể, phá sản, chấm dứt tồn tại” là tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyết định tuyên bố phá sản của Tòa án theo quy định của pháp luật về phá sản; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị chấm dứt tồn tại do bị chia, bị hợp nhất, được sáp nhập theo quy định tại Luật Hợp tác xã.”.

Điều 9. Sửa đổi Điều 28

“Điều 28. Tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Các tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã bao gồm:

1. “Đang hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh mà không thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều này.

2. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang trong thời gian thực hiện tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.

3 “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Cơ quan thuế lập biên bản xác minh về việc không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký. Thông tin về tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký do cơ quan thuế cung cấp cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Việc chuyển tình trạng pháp lý và kết thúc tình trạng pháp lý này do cơ quan thuế quyết định, trừ trường hợp tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang thuộc tình trạng pháp lý quy định tại các khoản 2, 4, 5 và 6 Điều này. Cơ quan thuế có trách nhiệm gửi thông tin về tình trạng pháp lý “Không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký” của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ghi nhận, cập nhật tình trạng pháp lý do cơ quan thuế cung cấp vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

4. “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã bị cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo đề nghị của cơ quan

quản lý thuế về thực hiện biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế.

5. “Đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản.

6. “Đã chấm dứt hoạt động” là tình trạng pháp lý của tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động tổ hợp tác, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã phá sản.”.

Điều 10. Sửa đổi Điều 31

“Điều 31. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử

1. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử bao gồm các giấy tờ theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử theo quy định pháp luật. Hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử có giá trị pháp lý tương đương hồ sơ đăng ký bằng bản giấy.

2. Văn bản điện tử là văn bản dưới dạng thông điệp dữ liệu được tạo lập hoặc được số hóa từ văn bản giấy và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy. Văn bản điện tử định dạng “.pdf”. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy. Cá nhân ký tên trong hồ sơ đăng ký có thể sử dụng chữ ký số để ký trực tiếp trên văn bản điện tử hoặc ký trực tiếp trên văn bản giấy và quét (scan) văn bản giấy theo chế độ ảnh màu.

3. Hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử hoặc dữ liệu điện tử có đầy đủ thông tin theo quy định như hồ sơ đăng ký bằng bản giấy;

b) Các thông tin đăng ký được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã phải được nhập đầy đủ và chính xác theo các thông tin trong hồ sơ đăng ký bằng bản giấy; trong đó có thông tin về số điện thoại, thư điện tử của người nộp hồ sơ.

4. Thời hạn để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký trên môi trường điện tử là 60 ngày kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã sẽ hủy hồ sơ đăng ký theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.”.

Điều 11. Sửa đổi Điều 32

“Điều 32. Trình tự, thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên môi trường điện tử

1. Người nộp hồ sơ đăng nhập Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc Ứng dụng định danh quốc gia bằng tài khoản định danh điện tử để truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Người nộp hồ sơ kê khai thông tin tại các trường thông tin trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã và tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã theo quy định sau đây:

a) Trường hợp người nộp hồ sơ là người có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống và chỉ yêu cầu người nộp hồ sơ ký thì người nộp hồ sơ không phải thực hiện ký số và tải lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Đối với các giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.

Đối với các giấy đề nghị hoặc thông báo có nội dung được kê khai trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã yêu cầu nhiều người ký và giấy tờ khác trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định, người nộp hồ sơ phải bảo đảm các giấy tờ này được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định, được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử và tải các giấy tờ này lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã;

b) Trường hợp người nộp hồ sơ là người được ủy quyền thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

Người nộp hồ sơ tải các giấy tờ trong thành phần hồ sơ đăng ký theo quy định lên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã. Các giấy tờ này phải được ký số hoặc ký trực tiếp theo quy định và được thể hiện dưới dạng văn bản điện tử.

Người nộp hồ sơ thanh toán phí, lệ phí (nếu có) và thực hiện xác thực điện tử theo quy định để nộp hồ sơ. Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ, người nộp hồ sơ sẽ nhận được giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả điện tử.

2. Các thông tin đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để phối hợp, trao đổi thông tin giữa cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế.

3. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Luật Hợp tác xã và Nghị định này. Người nộp hồ sơ đăng nhập vào Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã để nhận thông tin phản hồi về kết quả xử lý hồ sơ.

4. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký trên môi trường điện tử có thể dùng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại khoản 7 Điều 19 Nghị định này.”.

Điều 12. Sửa đổi Điều 34

“Điều 34. Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

1. Hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã.

Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trước khi thực hiện thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định thì hồ sơ không bao gồm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại điểm g khoản 2 Điều 42 Luật Hợp tác xã. Trong trường hợp này, Giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã bao gồm nội dung cam kết đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và Điều 42 Luật Hợp tác xã.”.

Điều 13. Bổ sung Điều 40a sau Điều 40

“Điều 40a. Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực

1. Hồ sơ đăng ký bao gồm giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực.

2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm b khoản 2 Điều 47 Luật Hợp tác xã.”.

Điều 14. Bổ sung Điều 43a sau Điều 43

“Điều 43a. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực

1. Hồ sơ thông báo bao gồm giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và bản sao quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực.

2. Trình tự đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 41 và điểm b khoản 3 Điều 48 Luật Hợp tác xã.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 47

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại.

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì gửi hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần

thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2

“2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau:

a) Thông báo tạm ngừng kinh doanh, trong đó bao gồm thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết của Đại hội thành viên về việc tạm ngừng kinh doanh đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông báo tạm ngừng kinh doanh.”.

3. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6

“7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, khi có thay đổi thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Điều 47 và Điều 48 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.

8. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo.

Trường hợp không xác nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không gửi báo cáo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và phải thực hiện thủ tục giải thể bắt buộc theo quy định tại Điều 51 Nghị định này.”.

Điều 16. Bổ sung khoản 3 sau khoản 2 Điều 48

“3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khi có thay đổi thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quy định tại Điều 47 và

Điều 48 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định.”.

Điều 17. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 50

“a) Thông báo về việc giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trong đó bao gồm thông tin về thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn (trừ thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài), thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã tại thời điểm giải thể sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 53

“Điều 53. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liền kề sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

2. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có hành vi vi phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 1 Điều 103 Luật Hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

5. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này và chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế không phải thực hiện thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 51 Nghị định này. Trường hợp này, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng “Bị thu hồi do cưỡng chế về quản lý thuế” trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

6. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.”.

Điều 19. Sửa đổi khoản 3 Điều 54

“3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện như sau:

a) Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động cho cơ quan thuế. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, cơ quan thuế gửi thông tin về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và chuyển tình trạng pháp lý của địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.”.

Điều 20. Sửa đổi, bổ sung Điều 55

“Điều 55. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong các trường hợp sau đây:

a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo;

b) Ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế;

c) Theo quyết định của Tòa án;

d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi chi nhánh, văn phòng đại diện là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phạm và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kết trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liên kết sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện ngừng hoạt động trên 12 tháng mà không thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã và cơ quan thuế thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trong việc xem xét nội dung giải trình của người đại diện theo pháp luật.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.

5. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đồng thời ra thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp chi nhánh,

văn phòng đại diện bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện và thông báo về việc chi nhánh, văn phòng đại diện đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện đến trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và phối hợp quản lý.

7. Sau khi cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định tại Điều 54 Nghị định này.

8. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.”.

Điều 21. Sửa đổi khoản 2 Điều 56

“2. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, đồng thời cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày xác định hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc nhận được văn bản đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trên Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã.”.

Điều 22. Sửa đổi Điều 57

“Điều 57. Quy trình chuyển tình trạng pháp lý, đình chỉ thủ tục phá sản, hủy quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản

1. Việc chuyển tình trạng pháp lý sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản, quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ

tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định, trích lục quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đã phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

c) Trường hợp nhận được quyết định không mở thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng pháp lý trước thời điểm có quyết định mở thủ tục phá sản trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết đề nghị xem xét lại, kiến nghị quyết định đình chỉ thủ tục phá sản của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã cập nhật thông tin vào Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã đối với trường hợp Tòa án giữ nguyên quyết định đình chỉ thủ tục phá sản hoặc chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã đối với trường hợp Tòa án hủy quyết định đình chỉ thủ tục phá sản và giao cho Thẩm phán tiến hành giải quyết thủ tục phá sản.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hủy quyết định tuyên bố hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản và giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân cấp dưới có thẩm quyền giải quyết lại của Tòa án, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chuyển tình trạng pháp lý của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sang tình trạng đang làm thủ tục phá sản, tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hợp tác xã.

5. Thông tin về việc hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang làm thủ tục phá sản hoặc đã phá sản và chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động hoặc đã chấm dứt hoạt động được truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật.”.

Điều 23. Sửa đổi khoản 3 Điều 58

“3. Tổ hợp tác thành lập sau khi Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành và đã thực hiện thủ tục thông báo theo quy định tại Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác thay đổi nội dung hoạt động dẫn đến thuộc đối tượng phải đăng ký kinh doanh hoặc có nhu cầu đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã thì thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác tại cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ đăng ký bao gồm các giấy tờ theo quy định tại khoản 1 Điều này và bản sao Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều này.”.

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 60

1. Bổ sung điểm g sau điểm e khoản 1

“g. Thành viên tổ hợp tác.”.

2. Bổ sung khoản 5a sau khoản 5

“Trường hợp thay đổi thành viên tổ hợp tác, tổ hợp tác nộp hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã. Hồ sơ bao gồm các giấy tờ sau đây:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác;
- b) Danh sách thành viên tổ hợp tác.”.

3. Sửa đổi khoản 6

“6. Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trao giấy biên nhận cho người nộp hồ sơ. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm a, b, d và đ khoản 1 Điều này hoặc giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp tổ hợp tác thay đổi nội dung đăng ký quy định tại các điểm c, e và g khoản 1 Điều này nếu tổ hợp tác có nhu cầu; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ hoặc tên tổ hợp tác yêu cầu đăng ký không đúng theo quy định hoặc thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký không thống nhất, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung.”.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 62

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2

“1. Trường hợp tổ hợp tác tạm ngừng kinh doanh từ 15 ngày trở lên hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại, tổ hợp tác gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi đặt trụ sở chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trở lại.

Trường hợp tổ hợp tác có nhu cầu tiếp tục tạm ngừng kinh doanh sau khi hết thời hạn đã thông báo thì phải thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày tiếp tục tạm ngừng kinh doanh. Thời hạn tạm ngừng kinh doanh của mỗi lần thông báo không được quá 12 tháng. Tổng thời gian tạm ngừng kinh doanh liên tiếp không được quá 24 tháng.

2. Hồ sơ thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại của tổ hợp tác bao gồm thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại, trong đó có thông tin về số điện thoại và địa chỉ thư điện tử của người đại diện của tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân.”.

2. Bổ sung khoản 7 và khoản 8 sau khoản 6

“7. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo thông báo của tổ hợp tác; tạm ngừng kinh doanh, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, khi có thay đổi theo quy định tại Điều 60 Nghị định này, tổ hợp tác phải đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác theo quy định.

8. Người đại diện của tổ hợp tác trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là cá nhân hoặc người đại diện hợp pháp của pháp nhân trong trường hợp người đại diện tổ hợp tác là pháp nhân phải xác nhận việc tiếp tục kinh doanh trở lại và cam kết đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định trước khi tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo.

Trường hợp không xác nhận, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã yêu cầu tổ hợp tác báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này.

Trường hợp tổ hợp tác không gửi báo cáo đến cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết hạn gửi báo cáo theo yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh, tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại 63 Nghị định này”.

Điều 26. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 63

“a) Thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác. Đối với tổ hợp tác thành lập trước ngày ... (ngày Nghị định sửa đổi này có hiệu lực thi hành) và đến thời điểm chấm dứt hoạt động chưa cập nhật thông tin thay đổi thành viên với cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định thì thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác phải bao gồm thông tin thành viên tổ hợp tác tại thời điểm chấm dứt hoạt động sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; Phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đã góp, thời điểm góp vốn, loại tài sản góp vốn, số lượng, giá trị của từng loại tài sản góp vốn của từng thành viên;”.

Điều 27. Sửa đổi Điều 64

“Điều 64. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác

1. Tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong các trường hợp sau đây:

- a) Nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo;
- b) Không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo ;
- c) Theo quyết định của Tòa án;
- d) Theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan.

2. Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký tổ hợp tác là giả mạo

a) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập tổ hợp tác là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.

b) Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi tổ hợp tác là giả mạo, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra thông báo về hành vi vi phạm của tổ hợp tác và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của lần đăng ký thay đổi được cấp trên cơ sở nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi là giả mạo trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm của tổ hợp tác trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo cho cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hành vi vi phạm của tổ hợp tác để phối hợp quản lý và xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liền kề trước hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo.

Tổ hợp tác có thể nộp lại hồ sơ để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác. Tổ hợp tác có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký liền kề sau hồ sơ đăng ký thay đổi có nội dung kê khai là giả mạo trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

3. Trường hợp tổ hợp tác không gửi báo cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định này thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu tổ trưởng tổ hợp tác đến Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã để giải trình. Kết thúc thời hạn giải trình ghi trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không được chấp thuận thì Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn giải trình.

4. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được quyết định của Tòa án về thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo quyết định của Tòa án.

5. Trường hợp cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được văn bản đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật có liên quan, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thu hồi, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 2 Điều này.

6. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ban hành quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, đồng thời ra thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cập nhật tình trạng pháp lý của tổ hợp tác sang tình trạng đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, trừ trường hợp tổ hợp tác bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo vi phạm, quyết định thu hồi, thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã đăng tải thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác và thông báo về việc tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và gửi thông báo vi phạm, quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác đến trụ sở của tổ hợp tác, đồng thời gửi sang cơ quan thuế để cập nhật và

phối hợp quản lý. Tổ hợp tác phải thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 63 Nghị định này.

7. Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã ra quyết định hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều 56 Nghị định này.”.

Điều 28. Bổ sung khoản 1a sau khoản 1 Điều 66

“1a. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.”.

Điều 29. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, bãi bỏ một số điểm, khoản, điều và Phụ lục

1. Thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “Bộ Tài chính” tại khoản 3 Điều 3; khoản 5 Điều 13; khoản 2, khoản 4 Điều 20.

2. Thay thế cụm từ “Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư” bằng cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính” tại tên Điều 6; khoản 4 và khoản 9 Điều 7; khoản 6 Điều 10; khoản 5 Điều 65.

3. Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” tại khoản 4 và khoản 9 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 50; điểm b khoản 3 Điều 63.

4. Thay thế cụm từ “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện” thành “cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã” tại khoản 1 và khoản 2 Điều 6; Tên Điều 7; khoản 6 Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 1 và khoản 5 Điều 13; điểm c khoản 3 Điều 14; khoản 2 Điều 15; khoản 3 và khoản 4 Điều 18; Tên Điều 19, các khoản 1, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 19; các khoản 2, 3 và 4 Điều 20; khoản 1 và khoản 2 Điều 21; khoản 1 và khoản 4 Điều 22; khoản 1 và khoản 3 Điều 23; các khoản 2, 3 và 4 Điều 25; các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26; các khoản 2, 3, 5 và 6 Điều 27; Tên Điều 33 và các khoản 1, 2 và 3 Điều 33; các khoản 1, 3 và 4 Điều 36; khoản 2 Điều 37; khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 41; khoản 1 và khoản 2 Điều 42; khoản 2 Điều 43; Điều 44; các khoản 1, 3 và 5 Điều 45; khoản 1 và khoản 2 Điều 46; các khoản 4, 5 và 6 Điều 47; khoản 1 và khoản 2 Điều 48; Điều 49; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 50; các khoản 1, 2 và 3 Điều 51; khoản 1 và khoản 2 Điều 52; các khoản 2, 4 và 5 Điều 54; khoản 1 và khoản 3 Điều 56; khoản 1 và khoản 2 Điều 58; khoản 3 Điều 59; các khoản từ 1 đến 5 Điều 60; khoản 1 Điều 61; các khoản 3, 5 và 6 Điều 62; các khoản từ 1 đến 5 Điều 63; các khoản 4, 5 và 6 Điều 64; các khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 65.

5. Thay thế cụm từ “huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương” thành “xã, phường, đặc khu” tại khoản 3 Điều 45; điểm b và điểm c khoản 2 Điều 65.

6. Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “02 ngày làm việc” tại khoản 5 Điều 45; khoản 2 Điều 58.

7. Thay thế cụm từ “03 ngày làm việc” bằng cụm từ “01 ngày làm việc” tại khoản 7 Điều 19; khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 26; Điều 44; khoản 1 Điều 46; khoản 4 Điều 47; Điều 49; khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 52; khoản 3 Điều 59; khoản 5 Điều 62; khoản 2 Điều 63.

8. Bãi bỏ cụm từ “chứng minh nhân dân” tại khoản 3 và khoản 4 Điều 10.

9. Bãi bỏ khoản 2 Điều 30; điểm b khoản 1 điều 36; điểm b khoản 2 Điều 37; điểm b khoản 1 Điều 38; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 1 Điều 40; điểm b khoản 1 Điều 41; điểm b khoản 2 Điều 54; điểm b khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 60; khoản 6 Điều 65.

11. Bãi bỏ Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được tiếp nhận và chưa được Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã chấp thuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì việc giải quyết thủ tục đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được tiếp tục hoạt động theo nội dung các giấy tờ đã được cấp. Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác, đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Nghị định này.

3. Việc xác nhận tiếp tục kinh doanh trở lại sau thời hạn tạm ngừng kinh doanh đã thông báo quy định tại Điều 15 và Điều 25 Nghị định này được thực hiện đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các đối tượng áp dụng của Nghị định chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Lưu: VT, NN (2).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng